

# HÌNH THÀNH KĨ NĂNG SƯ PHẠM THEO CHUẨN NGHỀ NGHIỆP CHO SINH VIÊN THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN\*

Ngày nhận bài: 07/07/2016; ngày sửa chữa: 08/07/2016; ngày duyệt đăng: 08/07/2016.

**Abstract:** Pedagogical practices at schools is a process which the trainee teachers organize teaching activities under the guidance of teachers. To carry out such activities, students must apply all knowledge, experiences and skills to solve pedagogical situations (assumed or real). These activities help trainee students train pedagogical skills under professional standards and familiarize teaching methods and professional techniques.

**Keywords:** Pedagogic practice; professional standards.

1. *Chuẩn nghề nghiệp giáo viên (GV) trung học* (ban hành kèm theo Thông tư số 30/2009/TT-BGDĐT ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT) quy định các yêu cầu cơ bản về phẩm chất, năng lực đối với GV, nhằm đáp ứng mục tiêu của giáo dục trung học phổ thông (THPT), bao gồm 6 tiêu chuẩn và 25 tiêu chí. Có thể coi chuẩn nghề nghiệp chính là mục đích cuối cùng mà mỗi sinh viên (SV) sư phạm cần đạt được sau khi tốt nghiệp. Kỹ năng sư phạm (KNSP) là sự vận dụng những tri thức khoa học cơ bản, khoa học nghiệp vụ, những kinh nghiệm sống, kinh nghiệm sư phạm vào việc thực hiện một hành động sư phạm nhằm giải quyết tình huống sư phạm cụ thể một cách có kết quả. Hình thành KNSP là thông qua các giai đoạn cụ thể hình thành ở SV một hệ thống các thao tác, hành động giúp SV vận dụng tri thức khoa học cơ bản, nghiệp vụ, kinh nghiệm vào thực hiện có hiệu quả các hoạt động những con đường hiệu quả cao là thông qua hoạt động thực hành ở trường phổ thông.

Thực hành sư phạm (THSP) ở trường phổ thông là quá trình SV dưới sự tổ chức hướng dẫn của giảng viên, GV phổ thông, thực hiện những hành động cơ bản của hoạt động sư phạm. Để thực hiện được những hoạt động đó, SV phải vận dụng tất cả vốn hiểu biết, kinh nghiệm, kĩ năng (KN) đã có để giải quyết những tình huống sư phạm (giả định hoặc thật sự), SV nắm được những thủ thuật, biện pháp, kĩ thuật nghề nghiệp. Quá trình này chính là quá trình biến tri thức, kinh nghiệm, KN cơ sở thành KN nghề nghiệp. Mọi công việc rèn luyện trong giai đoạn này đều là bước đi bắt đầu cơ sở cho việc thực hành sau này. Bên cạnh đó, thông qua hoạt động thực hành của SV ở trường phổ thông, trường

sư phạm có thể kiểm nghiệm kịp thời chất lượng đào tạo của mình, từ đó rút ra kinh nghiệm, cải tiến kế hoạch và chương trình đào tạo (CTĐT). Tổ chức tốt hoạt động THSP cho SV ở nhà trường phổ thông là trường sư phạm đã thực hiện tốt nguyên lí giáo dục học đi đôi với hành, kết hợp lí luận với thực tiễn, gắn liền nhà trường với xã hội trong quá trình giáo dục.

## 2. Quy trình hình thành KNSP theo chuẩn nghề nghiệp

Để hoạt động thực hành ở trường phổ thông mang lại kết quả, cần có một quy trình thực hiện phù hợp với nội dung CTĐT, với điều kiện thực tiễn ở nhà trường phổ thông. Trên cơ sở nghiên cứu lí luận và thực tiễn nội dung CTĐT của các trường đại học sư phạm (ĐHSP), chúng tôi đề xuất quy trình hình thành KNSP theo chuẩn nghề nghiệp cho SV thông qua hoạt động thực hành ở trường phổ thông gắn liền với những môn học thuộc khối kiến thức nghiệp vụ như sau:

- *Năm học thứ nhất*, thông qua môn học *Tâm lí học* (03 tín chỉ) cần hình thành cho SV: KN giao tiếp; KN tìm hiểu đối tượng giáo dục; KN tìm hiểu môi trường giáo dục.

- *Năm học thứ hai*, thông qua môn học *Giáo dục học* (04 tín chỉ) cần hình thành cho SV những KN như: KN xây dựng các kế hoạch hoạt động giáo dục; KN giáo dục học sinh (HS) thông qua các hoạt động giáo dục và KN vận dụng các phương pháp, nguyên tắc giáo dục. Bước đầu hình thành 1 số KN thuộc nhóm năng lực dạy học như KN thuyết trình; KN viết bảng; KN đánh giá hoạt động dạy học, giáo dục của GV phổ thông.

\* Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên

- Năm học thứ ba, thông qua môn *Phương pháp Nghiên cứu khoa học giáo dục* (02 tín chỉ) và môn *Phương pháp giảng dạy bộ môn 1* (03 tín chỉ); *Phương pháp giảng dạy bộ môn 2* (03 tín chỉ) rèn luyện cho SV KN lập đề cương nghiên cứu một đề tài khoa học; KN sử dụng ngôn ngữ; KN viết bảng; KN làm công tác chủ nhiệm lớp và tổ chức sinh hoạt tập thể cho HS; KN phân tích, đánh giá nội dung, chương trình, sách giáo khoa môn học thuộc chuyên ngành; KN thiết kế bài dạy; KN tham gia các hoạt động chính trị, xã hội trong và ngoài nhà trường; KN đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của HS.

- Năm học thứ tư thông qua môn *Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm (NVSP)* (02 tín chỉ), môn *Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục - đào tạo* (02 tín chỉ) hình thành cho SV những KN như: KN phối hợp với các lực lượng giáo dục trong công tác giáo dục HS; KN phát hiện và giải quyết vấn đề nảy sinh trong thực tiễn giáo dục; KN sử dụng các phương pháp, phương tiện dạy học; KN xây dựng môi trường học tập; KN quản lý hồ sơ dạy học (môn học chuyên ngành); KN xây dựng đề kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS. Thời lượng thực hành ở trường phổ thông của từng năm học căn cứ vào số tín chỉ của môn học, mỗi tín chỉ SV sẽ thực hành ở trường phổ thông từ 1,0-1,5 buổi, mỗi buổi thực hiện ở 1 tuần, 1 buổi 4 tiết bằng 1 tiết quy chuẩn. Trong từng năm học, khi tổ chức hoạt động thực hành ở trường phổ thông nhằm hình thành, rèn luyện KNSP thông qua mỗi môn học cụ thể cần xác định rõ các nội dung sau đây: + *Mục đích*: Xác định trong đợt thực hành SV cần phải như vận dụng được những tri thức cơ bản nào của môn học? Hình thành được những KNSP nào? + *Yêu cầu*: Trình bày được yêu cầu tối thiểu về từng KN mà SV phải hình thành được qua đợt thực hành; + *Nội dung hoạt động*: Xác định được những nội dung cơ bản mà SV cần phải tiến hành để qua đó hình thành được KNSP tương ứng; + *Hình thức tiến hành*: Xác định được các hình thức, công việc mà SV phải sử dụng để thực hiện các nội dung theo yêu cầu quy định; + *Sản phẩm*: Quy định rõ các sản phẩm mà SV cần phải có sau mỗi đợt thực hành; + *Quy trình thực hiện*: Hướng dẫn, nội dung, cách thức cụ thể và kế hoạch thực hiện; + *Cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hành*: Các nội dung tự đánh giá, cách thức tự đánh giá.

Ví dụ, nội dung và quy trình hình thành rèn luyện KNSP cho SV năm thứ nhất cụ thể như sau: - *Mục*

*đích*: Giúp SV vận dụng những tri thức đã học trong phần *Tâm lý học* vào thực tế, qua đó hình thành KN giao tiếp, tiếp cận và tìm hiểu tâm lý HS phổ thông; KN tìm hiểu môi trường giáo dục; thông qua hoạt động thực hành, hình thành những tình cảm, thái độ tích cực đối với nghề dạy học. - *Yêu cầu*: Sau đợt thực hành SV phải có được những KN cơ bản sau: + KN giao tiếp sư phạm ở mức độ: Biết định hướng, định vị và thực hiện quá trình giao tiếp, có khả năng trình bày để đối tượng nắm được nội dung công việc, thuyết phục đối tượng hợp tác và tạo điều kiện trong công việc. KN này được hình thành thông qua giao tiếp với cán bộ quản lý, GV, HS trường phổ thông trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ của đợt thực hành; + KN xây dựng và triển khai kế hoạch để thực hiện nhiệm vụ được giao: SV nắm được mục đích, yêu cầu, nội dung, phương pháp và cách thức thực hiện những công việc phải làm và kế hoạch thực hành toàn đợt của nhóm, lớp. Phân tích được tình hình thực tế của cơ sở thực hành, từ đó xây dựng được kế hoạch thực hành toàn đợt một cách chi tiết cho cá nhân và có khả năng triển khai kế hoạch đã xây dựng một cách có hiệu quả. Linh hoạt, sáng tạo xử lý những tình huống phát sinh trong kế hoạch để đảm bảo thực hiện được mục đích yêu cầu của đợt thực hành. Cuối đợt thực hành, SV tổng kết được các công việc đã làm, tự đánh giá kết quả hoạt động của bản thân, rút ra được những kinh nghiệm cần thiết. KN sử dụng một số phương pháp cơ bản để tìm hiểu tâm lý HS như phương pháp nghiên cứu hồ sơ lý lịch để nắm được những thông tin cần thiết về HS; quan sát để tìm hiểu thái độ, hứng thú, tính tích cực học tập, khả năng chú ý hành động... của HS thông qua ứng xử trong các hoạt động. Phương pháp trò chuyện với GV, và bản thân HS qua đó tìm hiểu những đặc điểm về hoàn cảnh gia đình, đặc điểm tâm sinh lý của HS; + KN tìm hiểu môi trường giáo dục (tìm hiểu về nhà trường, về địa phương nơi trường đóng); - *Nội dung*: Để thực hiện những yêu cầu trên, giáo sinh phải thực hiện triển khai các công việc theo các nội dung cơ bản sau: + Tìm hiểu tình hình chung của HS ở trường phổ thông, lớp thực hành, địa phương nơi trường đóng; + Tìm hiểu đặc điểm cơ bản về tâm lý HS qua việc quan sát cách ứng xử học tập trên lớp và trong các hoạt động khác; + Tìm hiểu sâu cá nhân HS bằng các phương pháp nghiên cứu thông qua hồ sơ lý lịch, điều tra, đàm thoại,...; + Từ kết quả nghiên cứu thu được, phải xây dựng được chân dung tâm lý của một vài HS trong lớp thực hành; - *Hình thức tiến*

*hành*: Nội dung thực hành trên được thực hiện dưới các hình thức sau: + Đến trường phổ thông gặp đại diện Ban giám hiệu trình giấy giới thiệu, gặp GV chủ nhiệm để làm quen, thống nhất nội dung, hình thức, biện pháp và kế hoạch thực hành để nắm tình hình, điều tra cơ bản về HS lớp thực hành. + Làm việc với HS: Làm quen, quan sát ứng xử của HS trong hoạt động học tập và các hoạt động khác, thực hiện các điều tra. - *Trình tự tiến hành cụ thể*: Trước khi SV xuống trường thực hành, GV phụ trách (GV dạy bộ môn *Tâm lí học*) giao nhiệm vụ cụ thể cho SV (thông báo rõ mục đích, nội dung, phương pháp, hình thức thực hành); cơ cấu tổ chức; chia nhóm đến các lớp, trường. Cấp giấy giới thiệu cho SV, SV phải nắm được những công việc cần làm và kế hoạch làm việc. Ví dụ: *Buổi 1*: SV đến trường phổ thông gặp lãnh đạo nhà trường, ra mắt, nghe báo cáo, gặp GV chủ nhiệm, HS lớp chủ nhiệm. Cụ thể: + SV phải nắm được tình hình nhà trường (sơ bộ về Ban giám hiệu, đội ngũ GV, số lớp, số HS, lịch sử hình thành và phát triển...), tình hình địa phương; + Gặp gỡ với GV chủ nhiệm lớp, HS lớp chủ nhiệm: Giới thiệu về bản thân, mục đích, nội dung của hoạt động thực hành; Trao đổi, xin ý kiến, thông tin về lớp thực hành (số lượng HS, học lực, hạnh kiểm, đặc điểm chung...) qua đó xác định được khách thể nghiên cứu; Thống nhất nội dung, cách thức, kế hoạch làm việc trong đợt thực hành; Nghiên cứu HS lí lịch, học bạ của HS; *Buổi 2, 3*: SV dự giờ để quan sát hứng thú, thái độ cách ứng xử của HS trong giờ học qua đó có những nhận xét về ý thức tổ chức kỉ luật học tập, khả năng chú ý, hứng thú học tập bộ môn, đặc điểm tư duy, trí nhớ... Quan sát cách ứng xử, giao tiếp của HS trong giờ ra chơi, giờ học, sinh hoạt tập thể; *Buổi 4, 5*: (SV làm việc độc lập) SV quan sát ứng xử của HS thông qua quá trình làm việc với HS vào 15 phút đầu giờ mỗi ngày, dự giờ học trên lớp (môn học khác), giờ sinh hoạt lớp, giờ chơi, và qua các hoạt động tập thể. Thông qua đó tìm hiểu về đặc điểm tâm sinh lí, xu hướng nghề nghiệp, tự ý thức, đời sống tình cảm của HS, gia cảnh HS. So sánh cách ứng xử của HS qua các môn học khác nhau, đánh giá nhận thức, hứng thú học tập của HS. Tìm hiểu tình hình giáo dục của địa phương (một số nét cơ bản). *Buổi 6*: Tiếp tục hoàn thành những công việc còn tồn đọng; Chia tay với GV và HS; Hoàn thiện hồ sơ thực hành: - *Sản phẩm*: Sau đợt thực hành SV cần có những sản phẩm sau: + Sổ nhật kí thực hành, trong đó ghi

rõ: Kế hoạch làm việc của cả đợt thực hành, bao gồm mục đích, nội dung và mục đích thực hiện công việc đã đề ra; Thời gian địa điểm, cách thức... của các công việc đã làm, những tình huống mới xuất hiện, biện pháp giải quyết; Kết quả cụ thể của mỗi công việc; thành công, hạn chế, phương hướng khắc phục; + Các kết quả nghiên cứu cụ thể về tâm lí HS THPT như: Đời sống tình cảm; Xu hướng chọn nghề, tự ý thức, hành vi vi phạm đạo đức. Kết quả tìm hiểu về môi trường giáo dục (về nhà trường, địa phương); + Hồ sơ tâm lí của cá nhân HS (SV phải xây dựng được hồ sơ tâm lí của ít nhất 4 cá nhân HS 1 nam, 1 nữ, 1 HS tiêu biểu, có kết quả học tập tốt, 1 HS chưa ngoan kèm theo kết quả nghiên cứu); - *Đánh giá*: Việc đánh giá kết quả thực hành của SV dựa trên 2 mặt: Tinh thần thái độ rèn luyện và kết quả công việc (mức độ hình thành các KN). Cụ thể: + GV chủ nhiệm lớp ở trường thực hành đánh giá về tinh thần, thái độ làm việc; khả năng tiếp cận và thái độ trong quan hệ đối với HS. KN giao tiếp đối với GV và HS; + Giảng viên hướng dẫn thực hành đánh giá về: Tính kỉ luật, tinh thần, thái độ trong đợt thực hành; Mức độ của KN giao tiếp sư phạm; KN tìm hiểu tâm lí HS qua quá trình thực hiện thể hiện ở các biên bản dự giờ, sổ nhật kí thực hành, kết quả điều tra, nghiên cứu về đặc điểm tâm lí HS, chân dung tâm lí HS; KN xây dựng kế hoạch và thực hiện kế hoạch thực hành; những kết quả thu được và bài học kinh nghiệm rút ra từ đợt thực hành. Đánh giá của GV phổ thông (hệ số 1), đánh giá của giảng viên hướng dẫn thực hành (hệ số 2), đánh giá theo thang điểm 10, sau đó tổng hợp lại chia trung bình thành kết quả đánh giá chung. Điểm thực hành sẽ là điểm 1 bài kiểm tra của môn học *Tâm lí học*. Tương tự các môn học khác ở những năm học tiếp theo cũng tiến hành theo quy trình như trên.

**3. Để hình thành, rèn luyện KNSP cho SV thông qua hoạt động thực hành ở trường phổ thông đạt kết quả tốt, chúng tôi kiến nghị:**

- *Bộ GD-ĐT*: Cần xây dựng một nội dung chương trình rèn luyện NVSP thường xuyên thống nhất chung cho tất cả các trường ĐHS, CĐSP. Nội dung chương trình xây dựng cần căn cứ theo chuẩn nghề nghiệp đã ban hành, chương trình đảm bảo xuyên suốt trong tất cả các học kì của quá trình đào tạo. Trong chương trình nên có những nội dung rèn luyện

(Xem tiếp trang 47)

Tự kiểm tra và tự đánh giá có ý nghĩa rất lớn đối với NLTH, bởi sẽ thúc đẩy NL phản biện của người học (tự đánh giá, phát hiện những đúng - sai của bản thân). Mặt khác, điều quan trọng của quá trình phản biện và đánh giá là phải có thái độ khách quan, trung thực với chính bản thân.

- *Trải nghiệm tình huống thực hành vận dụng tri thức.* Một thủ thuật sư phạm có giá trị giúp cho phát triển NLTH là không giành hết thời gian học tập của các em ở trường hoặc là hướng dẫn quá tỉ mỉ, mà cần tạo ra những tình huống học tập từ trải nghiệm thực tiễn cuộc sống để các em tự rút ra bài học. Có thể có nhiều cách giúp HS trải nghiệm như: trải nghiệm tìm tòi phát hiện kiến thức mới theo một cách khác có gợi ý của GV; trải nghiệm giải quyết nhiệm vụ cụ thể liên quan tới những kiến thức đã biết trong tình huống mới; trải nghiệm vai trò người hướng dẫn người khác học tập; hoặc trải nghiệm, phát hiện và sửa chữa lỗi sai thường gặp... Những trải nghiệm này sẽ mang lại màu sắc đặc biệt thú vị đối với HS đang khao khát tìm tòi và khẳng định bản thân [1; tr 143-146].

- *Quan hệ giữa NLTH với hoạt động phát hiện và tự sửa chữa sai lầm.* Một trong những biểu hiện quan trọng nhất của NLTH là biết tự rút ra bài học kinh nghiệm để tránh những sai lầm lặp lại. Vì vậy, người ta phải TH qua trải nghiệm, phát hiện và sửa chữa lỗi sai của người khác hoặc từ việc quan sát thực tiễn mà rút ra bài học cho bản thân, chứ không thể chờ bản thân trải qua sai lầm rồi mới học, như thế đôi khi là quá muộn” [1; tr 28-30].

Theo Phạm Ngọc Định: Những NL đã được phát hiện và bồi dưỡng ở cấp tiểu học phải là nền tảng cơ bản để tiếp tục phát triển ở các cấp học tiếp theo. Thật vậy, nếu những NL này không được định hướng để phát triển thì chúng sẽ nhanh chóng bị thui chột và tất cả sẽ lại phải quay về từ đầu. Vì thế, trong quá trình xây dựng chương trình giáo dục phổ thông sau năm 2015 rất cần sự đồng bộ và liên thông giữa các cấp học. Đó không chỉ là sự liên thông về mục tiêu, nội dung dạy học mà còn là sự chú trọng các mức độ phát triển NL tương xứng.

\* \* \*

Tóm lại, giáo dục ở thế kỉ XXI cần chú trọng hình thành và phát triển các dạng NL chung và NL chuyên biệt cho HS nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội hiện đại. NLTH cần được xem là NL cốt lõi của mỗi công dân, từng bước hoàn thiện các tri thức cơ bản, thì những

tri thức đó sẽ hữu ích cho cuộc sống đa dạng ngoài thực tiễn. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Hồ Ngọc Đại (2010). *Giáo dục tiểu học đầu thế kỉ XXI*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [2] Hoàng Phê (chủ biên) (1997). *Từ điển Tiếng Việt*. NXB Đà Nẵng.
- [3] Jean - Marc. Denomme & Madelein Roy (2000). *Tiến tới một phương pháp sư phạm tương tác*. NXB Thanh niên.
- [4] Phạm Minh Hạc (2010). *Giáo dục tiểu học đầu thế kỉ XXI*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [5] Bùi Văn Huệ (chủ biên) (2008). *Giáo trình Tâm lí học*. NXB Đại học Sư phạm.

## Hình thành kĩ năng sư phạm...

(Tiếp theo trang 50)

bắt buộc và có những nội dung tự chọn (đảm bảo tính tự chủ cho các trường để đáp ứng yêu cầu thực tiễn giáo dục địa phương).

- *Các trường ĐHSP, CĐSP:* Trong CTĐT, đối với những môn học nghiệp vụ, cần giảm thời gian học lí thuyết, tăng thời gian thực hành, thực tế ở trường phổ thông; có quy định cụ thể đối với hoạt động thực hành, thực tế môn học ở trường phổ thông; cần xây dựng tốt mối quan hệ với các trường phổ thông trên địa bàn, tạo mọi điều kiện thuận lợi để SV có môi trường thực hành tốt; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động thực hành, rèn luyện NVSP của SV. Có chế độ khen thưởng, trách phạt, động viên, khuyến khích phù hợp đối với cán bộ, giảng viên, SV tiêu biểu trong hoạt động rèn luyện NVSP; chế độ tài chính phù hợp đối với GV phổ thông, giảng viên tham gia hướng dẫn thực hành.

- *Các trường phổ thông:* Cần xác định rõ việc tiếp nhận và hướng dẫn SV thực hành, thực tế, thực tập là trách nhiệm của mỗi nhà trường, mỗi GV. Vì vậy, cần tạo mọi điều kiện thuận lợi giúp đỡ SV trong quá trình tham gia thực hành; lựa chọn đội ngũ GV hướng dẫn là những người có kinh nghiệm, uy tín, trách nhiệm. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2009). *Hướng dẫn áp dụng chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học vào đánh giá giáo viên*. NXB Đại học Sư phạm.
- [2] Nguyễn Quang Uẩn (1987). *Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên*. NXB Đại học Sư phạm.